

Học phần: Vật lý 1 và thí nghiệm

Nhóm: 4

Số tín chỉ:

Ngày thi: 18.06.2016

Giờ thi: 8h

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	20	60		
1	B15DCCN011	Lê Vũ Minh Anh	D15CQCN11-B	7,0	6,0	8,5	3,0	4,8	
2	B15DCVT005	Nguyễn Đức Anh	D15CQVT05-B	8,0	2,0	7,0	1,0	3,0	
3	B15DCAT007	Nguyễn Thế Anh	D15CQAT03-B	5,0	3,0	7,0	4,0	4,6	
4	B15DCCN046	Nguyễn Tuấn Anh	D15CQCN02-B	10,0	7,0	8,5	9,0	8,8	
5	B15DCVT021	Vũ Tuấn Anh	D15CQVT05-B	9,0	5,0	7,0	2,0	4,0	
6	B15DCAT016	Nguyễn Thị Ngọc ánh	D15CQAT04-B	10,0	5,0	7,0	2,0	4,1	
7	B15DCVT027	Nguyễn Lương Bằng	D15CQVT03-B	9,0	6,0	7,5	5,0	6,0	
8	B15DCCN068	Đặng Xuân Chinh	D15CQCN02-B	10,0	6,0	8,0	7,0	7,4	
9	B15DCVT043	Trần Văn Chương	D15CQVT03-B	10,0	7,0	7,0	7,0	7,3	
10	B15DCVT044	Nguyễn Huy Công	D15CQVT04-B	9,0	6,0	7,0	7,0	7,1	
11	B15DCAT032	Nguyễn Mạnh Cường	D15CQAT04-B	8,0	5,0	7,0	2,0	3,9	
12	B15DCAT037	Nguyễn Văn Đại	D15CQAT01-B	10,0	7,0	8,0	5,0	6,3	
13	B15DCAT036	Nguyễn Việt Đại	D15CQAT04-B	9,0	6,0	7,5	7,5	7,5	
14	B15DCVT065	Nguyễn Thế Đạt	D15CQVT01-B	10,0	2,0	7,5	3,0	4,5	
15	B15DCAT038	Trần Anh Đạt	D15CQAT02-B	10,0	9,0	8,5	9,0	9,0	
16	B15DCVT082	Phạm Tuấn Đức	D15CQVT02-B	9,0	6,0	7,5	6,0	6,6	
17	B15DCAT048	Tô Như Đức	D15CQAT04-B	7,0	7,0	8,0		3,0	Vắng
18	B15DCVT086	Hoàng Trọng Dũng	D15CQVT06-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
19	B15DCVT092	Nguyễn Quý Dũng	D15CQVT04-B	9,0	4,0	7,0	0,0	2,7	
20	B14DCCN052	Nguyễn Văn Dũng	D15CQCN06-B	8,0	9,0	8,5	6,5	7,3	
21	B15DCCN156	Hán Ngọc Dương	D15CQCN02-B	10,0	7,0	8,0	6,0	6,9	
22	B15DCVT102	Trịnh Văn Dương	D15CQVT06-B	10,0	5,0	7,5	2,0	4,2	
23	B15DCAT059	Bùi Thanh Duy	D15CQAT03-B	9,0	3,0	7,0	5,0	5,6	
24	B15DCVT110	Mai Văn Duy	D15CQVT06-B	7,0	6,0	7,0	4,0	5,1	
25	B15DCAT061	Nguyễn Đức Giang	D15CQAT01-B	10,0	3,0	7,0		2,7	Vắng
26	B12DCDT052	Nguyễn Huy Giáp	D12DTMT	6,0	5,0	8,0	3,0	4,5	
27	B15DCAT062	Phạm Văn Giáp	D15CQAT02-B	7,0	8,0	8,0	3,5	5,2	
28	B15DCCN192	Ngô Thị Thu Hân	D15CQCN05-B	9,0	6,0	7,5	9,0	8,4	
29	B15DCCN202	Lê Thị Thanh Hiền	D15CQCN04-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
30	B15DCVT141	Vũ Văn Hiền	D15CQVT05-B	10,0	6,0	7,0	5,0	6,0	
31	B15DCAT068	Vũ Văn Hiệp	D15CQAT04-B	8,0	7,0	7,0	3,0	4,7	
32	B15DCVT474	Trần Văn Hiếu	D15CQVT01-B	7,0	5,0	8,0	3,5	4,9	
33	B15DCCN225	Vũ Thị Hoa	D15CQCN05-B	10,0	7,0	7,5	7,5	7,7	
34	B15DCVT170	Phạm Việt Hoàng	D15CQVT02-B	10,0	6,0	8,0	3,0	5,0	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	20	60		
35	B15DCAT081	Trần Quang Hoàng	D15CQAT01-B	10,0	5,0	7,0	6,0	6,5	
36	B15DCAT085	Dương Thị Huệ	D15CQAT01-B	8,0	8,0	9,5	10,0	9,5	
37	B15DCVT179	Đào Việt Hùng	D15CQVT03-B	9,0	4,0	7,5	1,0	3,4	
38	B15DCCN257	Nguyễn Duy Hưng	D15CQCN04-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
39	B15DCVT186	Nguyễn Văn Hưng	D15CQVT02-B	9,0	6,0	7,0	2,5	4,4	
40	B15DCAT089	Vũ Văn Hưng	D15CQAT01-B	9,0	7,0	7,0	7,0	7,2	
41	B15DCCN266	Nguyễn Thu Hương	D15CQCN02-B	10,0	8,0	7,0	5,0	6,2	
42	B15DCCN277	Chu Thế Huy	D15CQCN02-B	10,0	5,0	7,5	8,5	8,1	
43	B15DCCN275	Nguyễn Ngọc Huy	D15CQCN11-B	10,0	6,0	8,0	3,5	5,3	
44	B15DCVT203	Nguyễn Minh Khang	D15CQVT03-B	9,0	5,0	7,5	5,5	6,2	
45	B15DCVT209	Vũ Quốc Khánh	D15CQVT01-B	9,0	6,0	7,0	3,0	4,7	
46	B15DCVT211	Nguyễn Văn Khoa	D15CQVT03-B	8,0	5,0	7,5	0,0	2,8	
47	B15DCVT212	Phạm Minh Khuê	D15CQVT04-B	9,0	3,0	8,5	6,0	6,5	
48	B15DCVT215	Phạm Trung Kiên	D15CQVT07-B	10,0	7,0	7,5	9,5	8,9	
49	B15DCCN310	Ngô Thị Thúy Linh	D15CQCN02-B	10,0	8,0	8,5	5,0	6,5	
50	B15DCAT112	Lê Việt Long	D15CQAT04-B	7,0	5,0	6,5	2,0	3,7	
51	B15DCCN349	Lê Anh Minh	D15CQCN08-B	7,0	5,0	7,5	3,5	4,8	
52	B15DCCN354	Nguyễn Duy Minh	D15CQCN02-B	10,0	6,0	7,0	0,5	3,3	
53	B15DCVT275	Đỗ Việt Nam	D15CQVT03-B	9,0	6,0	7,5	5,0	6,0	
54	B15DCVT271	Trịnh Hoàng Nam	D15CQVT07-B	10,0	7,0	7,5	3,0	5,0	
55	B15DCVT282	Thân Thế Nghiệp	D15CQVT02-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
56	B15DCAT128	Nguyễn Doãn Nhân	D15CQAT04-B	10,0	9,0	8,0	7,5	8,0	
57	B15DCAT129	Đỗ Văn Nhất	D15CQAT01-B	10,0	8,0	7,0	4,0	5,6	
58	B15DCCN420	Chu Quế Phương	D15CQCN02-B	10,0	7,0	9,0	7,5	8,0	
59	B15DCCN423	Nguyễn Việt Phương	D15CQCN05-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
60	B15DCVT307	Trần Hồng Phương	D15CQVT03-B	10,0	6,0	7,0	2,0	4,2	
61	B15DCCN425	Khổng Minh Quân	D15CQCN07-B	9,0	5,0	7,5	4,0	5,3	
62	B15DCAT135	Nguyễn Duy Quang	D15CQAT03-B	10,0	8,0	8,0	3,0	5,2	
63	B15DCCN446	Hoàng Xuân Quyết	D15CQCN06-B	10,0	5,0	7,0	8,0	7,7	
64	B15DCCN453	Nguyễn Lương Sang	D15CQCN02-B	10,0	6,0	7,5	1,0	3,7	
65	B15DCCN457	Trần Thị Sen	D15CQCN06-B	8,0	8,0	7,0	4,0	5,4	
66	B15DCVT339	Đỗ Ngọc Sơn	D15CQVT03-B	10,0	6,0	7,5	8,0	7,9	
67	B15DCAT143	Nguyễn Văn Sơn	D15CQAT03-B	10,0	5,0	8,0	5,0	6,1	
68	B15DCVT347	Võ Tá Sơn	D15CQVT03-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
69	B15DCCN478	Nguyễn Đình Tài	D15CQCN05-B	10,0	7,0	8,0	9,5	9,0	
70	B15DCVT355	Nguyễn Văn Tân	D15CQVT03-B	10,0	8,0	9,0	9,0	9,0	

Số TT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Điểm CC	Điểm TBKT	Điểm TN-TH	Điểm THI	Điểm KTHP	Ghi chú
Trọng số:				10	10	20	60		
71	B15DCVT361	Nguyễn Hữu Thắng	D15CQVT01-B	10,0	8,0	8,0	2,5	4,9	
72	B15DCVT363	Nguyễn Mạnh Thắng	D15CQVT03-B	10,0	5,0	8,5	4,5	5,9	
73	B15DCAT153	Phạm Trung Thành	D15CQAT01-B	10,0	6,0	8,5	7,5	7,8	
74	B15DCAT158	Lê Vương Thiên	D15CQAT02-B	10,0	6,0	7,5	3,0	4,9	
75	B15DCVT386	Đặng Đức Thiện	D15CQVT02-B	0,0	0,0	0,0		0,0	Không đủ ĐKDT
76	B15DCVT385	Kiều Đức Thiện	D15CQVT01-B	10,0	5,0	7,5	5,0	6,0	
77	B15DCVT389	Bùi Thọ Thọ	D15CQVT05-B	9,0	6,0	7,0	1,0	3,5	
78	B14DCCN762	Nguyễn Văn Thường	D15CQCN08-B	9,0	5,0	8,5	6,0	6,7	
79	B15DCVT403	Đào Xuân Tin	D15CQVT03-B	10,0	5,0	8,0	5,5	6,4	
80	B15DCAT167	Đặng Hồng Trà	D15CQAT03-B	8,0	4,0	8,0	0,0	2,8	
81	B15DCVT411	Đỗ Xuân Triển	D15CQVT03-B	10,0	5,0	7,5	5,0	6,0	
82	B15DCCN576	Nguyễn Đức Trung	D15CQCN04-B	8,0	7,0	7,0		2,9	Vắng
83	B15DCVT414	Trần Thành Trung	D15CQVT06-B	10,0	7,0	8,0	3,0	5,1	
84	B15DCVT426	Nguyễn Đăng Tuấn Tú	D15CQVT02-B	10,0	6,0	8,0	3,5	5,3	
85	B15DCCN599	Bùi Văn Tự	D15CQCN05-B	10,0	8,0	9,0	9,0	9,0	
86	B15DCCN600	Trịnh Văn Tuân	D15CQCN06-B	10,0	7,0	7,5	5,0	6,2	
87	B15DCVT427	Nguyễn Văn Tuấn	D15CQVT03-B	9,0	6,0	6,5	8,5	7,9	
88	B15DCVT440	Vũ Anh Tùng	D15CQVT08-B	10,0	6,0	7,0		3,0	Vắng
89	B15DCCN643	Ngô Gia Việt	D15CQCN05-B	9,0	6,0	7,5	4,5	5,7	
90	B15DCAT196	Nguyễn Đình Vương	D15CQAT04-B	8,0	7,0	7,5	1,5	3,9	
91	B15DCAT198	Nguyễn Đình Vượng	D15CQAT02-B	10,0	7,0	8,5	9,0	8,8	

Ghi chú:

- Số SV theo DS:	91	SV	- Số SV dự thi:	80	SV
- Số SV thi đạt:	69	SV	- Số SV vắng thi:	4	SV
- Số SV thi không đạt:	22	SV	- Số SV vắng thi có phép:	0	SV
- Số SV thi lại:	0	SV			

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2016

CÁN BỘ KHÓP PHÁCH

TRƯỞNG TRUNG TÂM

SỐ 1

SỐ 2

Nguyễn Cảnh Châu

Ngô Hồng Quân

Nguyễn Xuân Trường